**Phụ lục I**

**CÁC QUY ĐỊNH TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

*(Kèm theo dự thảo Tờ trình số /TTr-BKHCN*

*ngày tháng năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Hiện nay, các quy định, chính sách khuyến khích, ưu tiên, hỗ trợ cho phát triển ngành nông nghiệp nói chung, lĩnh vực công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản nói riêng được quy định trong hệ thống các văn bản pháp luật (bao gồm: 17 Luật, 15 Nghị định của Chính phủ và một số văn bản khác). Quá trình rà soát cho thấy thực trạng một số quy định trực tiếp liên quan đến chính sách ưu đãi và hỗ trợ đối với ngành chế biến nông, lâm, thủy sản như sau:

**1. Vấn đề 1:** **Về quy định nhóm công nghệ, nhóm sản phẩm, địa bàn ứng dụng ưu tiên hỗ trợ sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư, đổi mới công nghệ**

Đối với nhóm công nghệ ưu tiên có liên quan về lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản được quy định được quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ gồm có 06/143 danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao (Công nghệ tiên tiến bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản quy mô công nghiệp theo chuỗi giá trị; Công nghệ chế biến gỗ và lâm sản đạt tiêu chuẩn các nước, vùng lãnh thổ có công nghệ tiên tiến, phát triển; Công nghệ chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, thủy sản đem lại giá trị gia tăng cao, trên 15%; Công nghệ CAS bảo quản nông sản, thực phẩm ở quy mô công nghiệp; công nghệ biến tính gỗ, công nghệ nano, công nghệ sấy sinh thái, công nghệ ngâm, tẩm thân thiện với môi trường để bảo quản gỗ; công nghệ tiên tiến chiết xuất các hoạt chất hữu ích từ nguyên liệu nông, lâm, thủy, hải sản, dược liệu). Tại Quyết định số 66/2104/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 và Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, trong đó có: 01/130 công nghệ được ưu tiên đầu tư phát triển thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản (Công nghệ chế tạo, sản xuất các chế phẩm sinh học thế hệ mới phục vụ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và dược liệu).

Đối với nhóm sản phẩm ưu tiên về lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được quy định tại Quyết định số 66/2104/QĐ-TTg với 03/114 sản phẩm liên quan được khuyến khích phát triển (gồm: Các bộ điều khiển, giám sát tự động và các cơ cấu chấp hành cho các hệ thống thiết bị đồng bộ trong các nhà máy thực phẩm, chế biến nông, lâm, thủy sản; Hệ thống thiết bị chế biến và bảo quản thực phẩm có quy mô công nghiệp; Chế phẩm vi sinh vật dùng trong nông nghiệp, bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản đạt tiêu chuẩn quốc tế). Đồng thời tại Quyết định số 439/QĐ-TTg ngày 16/4/2012 và 787/QĐ-TTg ngày 15/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ có quy định danh mục sản phẩm quốc gia đến 2020 về lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, gồm; lúa gạo, cá da trơn, nấm ăn và nấm dược liệu, tôm nước lợ (tôm sú và tôm thẻ chân trắng), cà phê Việt Nam chất lượng cao, Sâm Việt Nam.

Đồng thời, tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chỉ quy định chung lĩnh vực nông, lâm, thủy sản thuộc ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. Qua đó cho thấy việc quy định các loại công nghệ ưu tiên đầu tư, áp dụng đổi mới công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản cần được quy định chi tiết, cụ thể và phù hợp thống nhất với các sản phẩm được ưu tiên để thuận lợi cho việc thực hiện. Bên cạnh đó, việc quy định sản phẩm đặc thù, đặc sản, truyền thống của địa phương cũng chưa có quy định các công nghệ ưu tiên đầu tư, đổi mới cho phù hợp để thúc đẩy phát triển.

Về địa bàn ứng dụng được ưu tiên, được quy định danh mục chung thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn tại 55 tỉnh, tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Quy định trên mới chỉ quy định về địa giới hành chính với các vùng núi cao, dân tộc thiểu số, khu vực hải đảo có điều kiện kinh tế khó khăn mà chưa quy định địa bàn về vùng chuyên canh, thâm canh, vùng nguyên liệu, làng nghề truyền thống… có điều kiện phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.

**2. Vấn đề 2: Về chính sách KH&CN hỗ trợ sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư, đổi mới công nghệ**

Cho đến nay, hệ thống pháp luật về KH&CN được sửa đổi, hoàn thiện với 8 đạo luật chuyên ngành điều chỉnh các lĩnh vực liên quan tới hoạt động KH&CN với nhiều nội dung đổi mới, đột phá đáp ứng yêu cầu phát triển KH&CN phục vụ kinh tế-xã hội. Đặc biệt, Luật KH&CN 2013 và Luật Chuyển giao công nghệ được sửa đổi năm 2017 với nhiều nội dung đổi mới căn bản, toàn diện mang tính đột phá trong chính sách của Ðảng và Nhà nước về phát triển KH&CN trong thời kỳ mới. Bên cạnh đó, việc ban hành kịp thời các nghị định hướng dẫn thi hành luật và ban hành, triển khai các chương trình KH&CN đã tạo đủ cơ sở pháp lý khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng KH&CN trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của nước ta, trong đó có lĩnh vực phát triển nông, lâm, thủy sản, gồm các nhóm chính sách sau đây:

*a) Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ KH&CN từ ngân sách nhà nước*

Tại Luật KH&CN năm 2013 và các nghị định hướng dẫn thi hành đã quy định chung cho tất cả các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp (không phân biệt ngành nghề, lĩnh vực) có đủ năng lực đăng ký tham gia và thực hiện nhiệm vụ KH&CN tạo ra các sản phẩm mới. Theo đó quy định mức hỗ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cho một số nội dung chính (như : chi phí công nghiên cứu, công lao động, vật tư, nguyên liệu, mua sắm phần mềm và trang thiết bị thử nghiệm, chi phí tổ chức hội thảo, công tác phí,…) cụ thể : tối đa đến 100% tổng kinh phí thực hiện đối với đề tài; tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện dự án SXTN; tối đa 50% kinh phí thực hiện dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN áp dụng cho vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Tại Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Nghị định hướng dẫn thi hành quy định ưu tiên xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp có dự án đầu tư ứng dụng, đổi mới công nghệ thông qua thực các nhiệm vụ KH&CN (thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, các chương trình KH&CN khác có nội dung hỗ trợ đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Theo đó các nhiệm vụ KH&CN được hỗ trợ đối với: doanh nghiệp có dự án đầu tư, đổi mới công nghệ thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức KH&CN; doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo; tổ chức KH&CN sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương.

Tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn quy định ưu tiên hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ KH&CN được triển khai tại địa phương (đối với dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới) theo quy định của Luật KH&CN, trong đó mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và 50% kinh phí đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN về lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản phù hợp với một số chương trình KH&CN cấp quốc gia (Chương trình sản phẩm quốc gia, Chương trình quốc gia phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia…) có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sản xuất các giống cây trồng mới có đặc tính nông học ưu việt (trong đó sẽ ưu tiên các đối tượng cây trồng chủ lực như cây ăn quả, lúa,..); giống thủy sản sạch bệnh, có tốc độ sinh trưởng nhanh và sức chống chịu cao; phát triển công nghệ tiên tiến sản xuất con giống có chất lượng cao đối với các đối tượng nuôi chủ lực như giống cá, giống tôm sạch bệnh…, sẽ hỗ trợ đến 100% kinh phí thực hiện các đề tài; hỗ trợ từ 30% - 70% kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các dự án SXTN (trong đó hỗ trợ đến 50% cho các dự án SXTN thuộc lĩnh vực nông nghiệp, đến 70% cho các dự án SXTN vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn); hỗ trợ đến 50% kinh phí dành cho lao động khoa học để hoàn thành sản xuất lô số không; đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên vật liệu để sản xuất lô số không (70% ở vùng khó khăn); hỗ trợ đến 30% tổng kinh phí của các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Qua đó, đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản được thực hiện chính sách hỗ trợ cho đối tượng là doanh nghiệp và tổ chức KH&CN thông qua thực hiện các nhiệm vụ KH&CN từ ngân sách nhà nước nêu trên với mức hỗ trợ: kinh phí đối đa 100% đối với đề tài; tối đa 70% đối với các dự án SXTN (tùy thuộc lĩnh vực, ngành nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn triển khai). Tuy nhiên, cần cụ thể hóa và có quy định ưu tiên thực các nhiệm vụ KH&CN từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng khác như hợp tác xã, liên minh hợp tác xã, hộ gia đình để thuận lợi trong thực hiện. Đồng thời cần xem xét có quy định các nội dung hỗ trợ của nhiệm vụ đối với từng loại ngành cụ thể (nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản) do tính chất đặc thù riêng, quy định mức ưu tiên hỗ trợ đối với các dự án đầu tư, đổi mới công nghệ được triển khai tại các địa bàn quy hoạch vùng nguyên liệu, vùng thâm canh, vùng có sản phẩm truyền thống, đặc sản của địa phương.

*b) Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN từ nguồn kinh phí của doanh nghiệp tự đầu tư*

Đối với nhiệm vụ KH&CN do doanh nghiệp tự đầu tư kinh phí thực hiện áp dụng, đổi mới công nghệ bước đầu có quy định, nhưng chưa được cụ thể và còn nhiều vướng mắc, khó khăn, tính khả thi thực hiện không cao, cụ thể:

- Tại Điều 19 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 hướng dẫn Luật Chuyển giao công nghệ có quy định chung về hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp tự đầu tư thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để ứng dụng, đổi mới công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, nhưng chưa có mức quy định hỗ trợ cụ thể và nguồn kinh phí hỗ trợ.

- Tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 có quy định đối với các doanh nghiệp tự đầu tư kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực ưu tiên được nhà nước hỗ trợ: 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 300 triệu đồng đối với đề tài; 70% kinh phí, nhưng không quá 1.000 triệu đồng đối với thực hiện dự án SXTN.

*c) Hỗ trợ thực hiện các nội dung về hoạt động KH&CN từ nguồn kinh phí doanh nghiệp tự đầu tư*

Đối với các nội dung về hoạt động KH&CN như mua bản quyền công nghệ, chuyển giao công nghệ và thiết bị, thuê chuyên gia tư vấn, đầu tư thiết bị đo lường, phân tích, thí nghiệm, chi phí đào tạo nhân lực, chi phí xây dựng thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, tham gia hội chợ, triển lãm…được quy định rải rác ở một số văn bản với chính sách hỗ trợ cụ thể như:

- Về hỗ trợ mua bản quyền công nghệ, mua sáng chế được quy định ưu tiên hỗ trợ kinh phí như: được xét hỗ trợ kinh phí mua sáng chế và hoàn thiện công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân (Điều 21, 22 Nghị định 76/2017/NĐ-CP); hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng với mức 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 300 triệu đồng/bản quyền công nghệ (Điều 9 Nghị định 57/2018-NĐ-CP); hỗ trợ 100% kinh phí cho tổ chức, cá nhân mua bằng sáng chế các loại máy móc, thiết bị có khả năng ứng dụng rộng rãi trong nước nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc Bộ KH&CN phê duyệt (Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 23/9/2009 của Chính phủ về cơ chế, chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản).

- Về hỗ trợ tiềm lực cho tổ chức, doanh nghiệp: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho phát triển nâng tiềm lực KH&CN, đầu tư hỗ trợ xây mới, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật (phòng thí nghiệm, trung tâm kiểm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định... các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ... cho các doanh nghiệp là tổ chức KH&CN (Điều 4 của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP); Hỗ trợ cho các tổ chức KH&CN đào tạo các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, được sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia... (Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

- Về hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN được khuyến khích thành lập các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN như: cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN; Trung tâm, sàn giao dịch công nghệ, chợ công nghệ - thiết bị; tổ chức dịch vụ đánh giá, định giá, giám định, tư vấn chuyển giao công nghệ; Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ... (Điều 46, 47 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP).

- Một số hỗ trợ khác như: Hỗ trợ việc nâng cao chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế (Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam - Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/3/2010); hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm đặc thù của địa phương, vùng miền, sản phẩm làng nghề mang địa danh; xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức KH&CN (Chương trình phát triển tài sản trí tuệ - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016).

Do vậy việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh phí cho thực hiện các nội dung liên quan đến đầu tư, đổi mới công nghệ có nhiều khó khăn, dễ chồng chéo, đồng thời một số quy định cụ thể, chi tiết đặc thù riêng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản cần được rà soát, bổ sung quy định cụ thể để đảm bảo khuyến khích hỗ trợ cho tất các các đối tượng phù hợp.

**3. Vấn đề 3: Về chính sách ưu đãi thuế đối với lĩnh vực sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản**

Các chính sách ưu đãi, miễn giảm thuế được quy định tại nhiều văn bản luật như: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), Luật Thuế xuất nhập khẩu (XNK); Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Đầu tư, Luật KH&CN, Luật Công nghệ cao, Luật chuyển giao công nghệ,…

*a) Về thuế TNDN:*

Từ 01/01/2009 đến trước ngày 01/01/2014: Luật Thuế TNDN quy định lĩnh vực được ưu đãi thuế TNDN bao gồm: “Công nghệ cao theo quy định của pháp luật; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Sản xuất sản phẩm phần mềm...”, DN thành lập mới tại địa bàn ưu đãi đầu tư (KKT, KCNC, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn) được áp dụng mức ưu đãi thuế cao nhất: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Miễn thuế đối với khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

Từ ngày 01/01/2014, Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn quy định:

- Bổ sung vào diện áp dụng thuế xuất ưu đãi 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa 9 năm tiếp theo đối với: i) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới (ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường…); ii) doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; iii) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì được giảm 50%.

- Bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập từ thu nhập từ hoạt động có thu do thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của các quỹ tài chính Nhà nước: Quỹ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, tổ chức Bảo hiểm tiền gửi, Quỹ Bảo hiểm Y tế, Quỹ hỗ trợ học nghề, Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ trợ giúp pháp lý Việt Nam, Quỹ viễn thông công ích, Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo, Quỹ bảo hộ công dân và pháp nhân tại nước ngoài, Quỹ phát triển nhà, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao của Quỹ phát triển đất và quỹ khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật.

- Bổ sung quy định ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng (ĐTMR), cụ thể: trường hợp doanh nghiệp có dự án ĐTMR thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi TNDN thì được hưởng ưu đãi thuế (thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do ĐTMR bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế TNDN).

- Sửa đổi thời gian miễn thuế từ 01 năm lên không quá 03 năm đối với thu nhập từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ KH&CN, được miễn thuế tối đa không quá 05 năm kể từ ngày có doanh thu từ bán sản phẩm; thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

*b) Về thuế xuất nhập khẩu*

Các ưu đãi miễn, giảm thuế XNK được quy định tại Điều 16 và Điều 18 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13. Tuy nhiên, không có các ưu đãi cụ thể cho các ngành nghề nông, lâm, thủy sản.

Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

*c) Về thuế giá trị gia tăng*

Theo quy định hiện hành của Luật thuế GTGT hiện có 3 mức thuế suất là 0%, 5%, và 10%. Mức thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Do đó, đối với hoạt động KH&CN thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và chịu mức thuế suất 5% là mức thuế suất thấp so với mức thuế suất phổ thông là 10% (Khoản 2 Điều 8 Luật Thuế GTGT).

Đối tượng không chịu thuế GTGT đối với các trường hợp: Máy móc, thiết bị, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; phần mềm máy tính (quy định tại Khoản 17 và Khoản 21 Điều 5 Luật Thuế GTGT).

Các doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu mà nhập khẩu gỗ và mua các đầu vào phụ trợ khác (chất phủ bề mặt, bản lề..) thì phải chịu thuế GTGT là 10% nhưng được khấu trừ hết sau khi xuất khẩu hàng hóa (thời gian tối đa được ân hạn thuế là 275 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan) (Quyết định số 957/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/5/2014 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về Kế hoạch hành động phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ giai đoạn 2014 - 2020).

Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi về thuế cho doanh nghiệp được quy định tại một số văn bản khác như: quy định doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất, nhập khẩu, (Điều 12 Luật Công nghệ cao); doanh nghiệp KH&CN (thuộc mọi ngành nghề, lĩnh vực) được hưởng các ưu đãi khác về thuế (Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP); doanh nghiệp thực hiện dự án các ngành nghề nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng các ưu đãi miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế sử dụng đất; ưu đãi thuế TNDN (Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).

Thực trạng chính sách ưu đãi về thuế hỗ trợ cho doanh nghiệp khá đầy đủ, nhiều lĩnh vực và được quy định ở nhiều văn bản. Tuy nhiên cần rà soát để dẫn chiếu cho thuận lợi trong việc áp dụng triển khai, đồng thời quy định cụ thể hóa các chính sách phù hợp đối với các cơ sở sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản đầu tư, đổi mới công nghệ tại các dự án thuộc các địa bàn cần được ưu tiên như: vùng nguyên liệu; vùng sản xuất chuyên canh; địa phương có sản phẩm đặc sản, truyền thống.

**4. Vấn đề 4: Về chính sách ưu đãi đất đai đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản**

Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đất đai được quy định cho các doanh nghiệp và hợp tác xã có liên quan đến lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được quy định tại Luật Đất đai và một số văn bản pháp luật có liên quan cụ thể như sau:

- Về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư) được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật Đất đai được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi (Điều 5 Nghị định 57/2018/NĐ-CP).

- Các ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục I, mục A, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ) nên cũng được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi về thuế và pháp luật về đất đai.

- Về chính sách miễn, giảm tiền thuê mặt đất, mặt nước, tập trung đất đối với doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư) có các mức hỗ trợ, ưu đãi cụ thể quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

- Về hỗ trợ mặt bằng sản xuất đối với khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14).

- Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Giảm 50% số thuế phải nộp đối với đất của dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12).

- Đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được hưởng các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước được quy định tại điểm g khoản 1, khoản 9 Điều 19 và điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thuê đất, thuê mặt nước và khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (Nghị định 107/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã).

- Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư các dự án xây dựng kho 4 triệu tấn dự trữ lúa, ngô; xây dựng kho lạnh bảo quản thủy sản, rau quả và kho tạm trữ cà phê theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất thực hiện dự án đầu tư trong vòng 05 năm, kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động (Quyết định số 57/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

- Doanh nghiệp được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để thực hiện các dự án xây dựng nhà máy chế biến, kho chứa, nhà ở cho công nhân, nhà công vụ phục vụ cho dự án cánh đồng lớn (Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn).

- Đối với tổ chức đại diện của nông dân, được miễn tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi được nhà nước giao đất hoặc cho thuê để thực hiện xây dựng cơ sở sấy, chế biến, kho chứa phục vụ cho dự án cánh đồng lớn.

- Về chính sách hỗ trợ hạ tầng đối với các dự án đầu tư phát triển thủy sản quy định Ngân sách trung ương đầu tư: 100% kinh phí xây dựng cảng cá loại I, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng; 100% tổng mức đầu tư đối với các tuyến đảo, bao gồm các dự án cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão thuộc tuyến đảo; 100% kinh phí xây dựng đối với các dự án do Bộ, ngành trung ương quản lý (Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

- Đối với dự án các ngành nghề nuôi trồng, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ được hưởng các ưu đãi miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất (Luật Đầu tư số 61/2020/QH14). Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được được hưởng mức ưu đãi cao nhất về được cấp đất và miễn tiền sử dụng đất, được miễn, giảm thuế sử dụng đất đai (Điều 12 Luật công nghệ cao). Doanh nghiệp KH&CN được hưởng các ưu đãi về tiền thuê đất đai, thuế đất xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, được sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật của các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia... (Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Do vậy, đối với ngành chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản thuộc danh mục ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục I, mục A, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ), nên cũng được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi phù hợp được quy định tại các văn bản pháp luật nêu trên. Tuy nhiên cần được rà soát để dẫn chiếu cho thuận lợi áp dụng thực hiện, đồng thời xem xét bổ sung các quy định cụ thể phù hợp đối với đặc thù của ngành đối với các loại công nghệ ưu tiên đầu tư, đổi mới công nghệ và địa bàn đầu tư có vùng nguyên liệu, vùng sản xuất chuyên canh, địa phương có sản phẩm đặc sản, truyền thống.

**5. Vấn đề 5: Về chính sách tài chính hỗ trợ, ưu đãi đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản**

*a) Về quy định hỗ trợ vay vốn đối với các tổ chức, cá nhân*

Đối với các cá nhân hoặc pháp nhân cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP như sau:

- Cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chủ trang trại được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản bảo đảm theo các mức từ 100 triệu đến tối đa 3 tỷ đồng.

- Các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 80% giá trị của dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; Doanh nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhưng có dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao thuộc hoặc không thuộc khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án, phương án.

- Các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và các tài sản khác làm tài sản bảo đảm cho khoản vay của khách hàng theo quy định của pháp luật.

Hỗ trợ các doanh nghiệp hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo. Mức hỗ trợ tối đa 2%/năm lãi suất vay từ Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với khoản vay thực hiện chuyển giao công nghệ trong dự án (Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP).

Đối với doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành. Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ; Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại: Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm; Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm; Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án (Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

*b) Về chính sách ưu đãi vay vốn*

Đối với doanh nghiệp được hưởng ưu đãi vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước với các dự án: đầu tư nhà máy chế biến thủy hải sản sử dụng công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng công nghệ sạch; ứng dụng công nghệ, đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao theo danh mục công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ ban hành; đầu tư sản xuất sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN của doanh nghiệp KH&CN theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định số 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định các dự án).

Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) được ưu đãi cho vay, cấp bù lãi suất thông qua các tổ chức tín dụng trong từng thời kỳ theo quyết định của Chính phủ đối với khoản vay của các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thông qua Quỹ Phát triển DNNVV (Luật Hỗ trợ DNNVV).

Doanh nghiệp KH&CN (thuộc mọi ngành nghề, lĩnh vực) được hưởng các ưu đãi về tín dụng (Điều 20 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Doanh nghiệp được trích từ 3%-10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ phát triển KH&CN, quỹ được sử dụng để hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp như xây dựng cơ sở hạ tầng dành cho nghiên cứu, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, mua bản quyển công nghệ, đào tạo, thông tin tuyên truyền... (Điều 8, 9, 10, 11 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP).

Chủ đầu tư dự án thực hiện các hoạt động chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu được hưởng ưu đãi về tín dụng đầu tư từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam như các dự án thuộc danh mục vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định 57/2018/NĐ-CP).

- Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và việc hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động KH&CN (Quyết định số 1342/QĐ-TTg ngày 5/8/2011 của Thủ tướng Chính): Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia có vốn điều lệ là 1000 tỷ đồng từ ngân sách nhà nước. Quỹ hỗ trợ tương đối toàn diện cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện các hoạt động KH&CN trọng tâm là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới theo hướng sản phẩm được thương mại hóa quy mô lớn. Trong đó: Quỹ được sử dụng đến 50% vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các hình thức hỗ trợ lãi suất vay, cho vay ưu đãi, bảo lãnh để vay vốn./.